

Số: 743 /QĐ-UBND

Cần Thơ, ngày 22 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động
của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Cần Thơ**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*
- Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*
- Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*
- Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*
- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;*
- Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;*
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*
- Căn cứ Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương;*
- Căn cứ Thông tư số 86/2021/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;*
- Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ về việc điều chỉnh tăng mức vốn điều lệ của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Cần Thơ;*
- Căn cứ Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ về việc thông qua danh mục các lĩnh vực đầu tư cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố giai đoạn 2021 - 2025;*
- Căn cứ Quyết định số 2059/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc ban hành Danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Cần Thơ giai đoạn 2021-2025;*



Căn cứ Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc thành lập Quỹ Đầu tư phát triển;

Căn cứ Thông báo số 29/TB-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về Phiên họp Ủy ban nhân dân thành phố tháng 03 năm 2023 (Phiên họp chuyên đề);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 618/STC-QLNS ngày 10 tháng 3 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Cần Thơ.

Điều 2. Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Cần Thơ chịu trách nhiệm chỉ đạo hoạt động theo đúng Điều lệ này và các quy định hiện hành.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2477/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Cần Thơ.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Hội đồng Quản lý, Ban kiểm soát và Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Cần Thơ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- TT. Thành ủy;
- TT. HĐND TP;
- TV. UBND TP;
- Các Sở: Nội vụ, Tài chính, KH&ĐT, TN&MT, LĐ-TB&XH;
- NH NN Việt Nam - CN TPCT;
- Cục Thuế thành phố Cần Thơ;
- Kho bạc Nhà nước Cần Thơ;
- Công TTĐT TPCT;
- VP UBND TP (3B);
- Lưu: VT, Hồng

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Tấn Hiển

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 743/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2023
của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều lệ này quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Cần Thơ được thành lập và tổ chức hoạt động theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 (Nghị định số 147/2020/NĐ-CP) của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

a) “Vốn điều lệ” là vốn ghi trong Điều lệ này;

b) “Vốn điều lệ thực có” là số vốn điều lệ đã được Ủy ban nhân dân thành phố thực cấp cho Quỹ và được phản ánh trên sổ sách kế toán của Quỹ để hoạt động theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP;

c) “Người có liên quan” là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của thành viên Hội đồng quản lý, Ban Giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng của Quỹ.

2. Các tiêu đề (chương, điều, mục của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ.

Điều 3. Tên gọi và nơi đặt trụ sở chính

1. Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Cần Thơ (sau đây viết tắt là Quỹ) là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách của địa phương, được thành lập theo Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ nhằm mục đích tiếp nhận vốn ngân sách, huy động vốn trung và dài hạn từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện đầu tư, cho vay theo danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay được Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành.

2. Tên gọi của Quỹ:

- a) Tên gọi đầy đủ: Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Cần Thơ.
- b) Tên viết tắt: CADIF
- c) Tên giao dịch quốc tế: “Can Tho City Development Investment Fund” (viết tắt là CADIF).

3. Địa chỉ trụ sở: Số 24 - 26 đường Lý Thái Tổ, Khu dân cư Hưng Phú 1, phường Hưng Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

4. Điện thoại, trang điện tử:

- a) Điện thoại: 0292 3817 704
- b) Trang điện tử: www.cadif.vn

Điều 4. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân và đại diện theo pháp luật

1. Quỹ là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ thành lập, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn; thực hiện chức năng cho vay và đầu tư tại địa phương theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP. Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với Quỹ.

2. Quỹ có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

3. Người đứng đầu hoặc Người đại diện theo pháp luật của Quỹ là Giám đốc Quỹ, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố, Hội đồng quản lý và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Quỹ.

Điều 5. Nguyên tắc và phạm vi hoạt động

1. Nguyên tắc hoạt động:

- a) Tự chủ về tài chính, không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn; hoạt động độc lập với ngân sách nhà nước.
- b) Chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi vốn điều lệ.
- c) Thực hiện cho vay, đầu tư đúng đối tượng và điều kiện theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

2. Phạm vi hoạt động:

- a) Huy động vốn trung, dài hạn từ các tổ chức trong và ngoài nước theo quy định của Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.
- b) Cho vay các dự án thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

c) Đầu tư các dự án, đầu tư thành lập các tổ chức kinh tế, đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

d) Ủy thác cho vay, đầu tư; nhận ủy thác quản lý các quỹ tài chính nhà nước tại địa phương, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

đ) Thực hiện nghiệp vụ phát hành trái phiếu chính quyền địa phương theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Vốn điều lệ của Quỹ

1. Vốn điều lệ: 565.437.684.318 đồng (Bằng chữ: Năm trăm sáu mươi lăm tỷ, bốn trăm ba mươi bảy triệu, sáu trăm tám mươi bốn ngàn, ba trăm mười tám đồng), trong đó:

a) Vốn từ nguồn ngân sách thành phố cấp: 502.318.160.000 đồng.

b) Vốn từ nguồn quỹ đầu tư phát triển của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố: 63.119.524.318 đồng.

2. Căn cứ chiến lược hoạt động từng giai đoạn, để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ, Quỹ Đầu tư phát triển trình cấp có thẩm quyền quyết định tăng vốn điều lệ ghi nhận tại báo cáo tài chính.

Chương II

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CỦA QUỸ

Điều 7. Tổ chức bộ máy

1. Cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành của Quỹ bao gồm:

a) Hội đồng quản lý bao gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên;

b) Ban Kiểm soát: Trưởng Ban Kiểm soát và các thành viên;

c) Ban Điều hành bao gồm: Ban Giám đốc (Giám đốc Quỹ, các Phó Giám đốc Quỹ), Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc (các Phòng, Ban nghiệp vụ).

2. Thẩm quyền quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với người quản lý Quỹ theo quy định tại Điều 10, Điều 17, Điều 23, Điều 24, Điều 25 và Điều 26 của Điều lệ này.

Mục 1

HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ

Điều 8. Hội đồng Quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ là đại diện của Ủy ban nhân dân thành phố, được ủy quyền tổ chức thực hiện một số quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu; quyết định

và tổ chức thực hiện các vấn đề liên quan đến việc xác định và thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Quỹ theo quy định tại Điều 27 Điều lệ này.

2. Hội đồng quản lý Quỹ có tối đa 05 người. Căn cứ vào quy mô, tính chất và điều kiện thực tế hoạt động của Quỹ, Ủy ban nhân dân thành phố quyết định số lượng cụ thể thành viên Hội đồng quản lý Quỹ theo nguyên tắc tổng số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ phải là số lẻ.

3. Cơ cấu Hội đồng quản lý Quỹ gồm có Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý (sau đây gọi chung là thành viên Hội đồng quản lý). Giám đốc Quỹ kiêm Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

4. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản lý Quỹ không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản lý Quỹ có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Hội đồng quản lý Quỹ mới chưa được bổ nhiệm thì Hội đồng quản lý Quỹ của nhiệm kỳ hiện tại vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Hội đồng quản lý mới được bổ nhiệm và nhận nhiệm vụ.

Điều 9. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại khoản 6 Điều 10 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

2. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn quy định cụ thể tại Điều lệ này, bao gồm:

a) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn của Quỹ; bảo tồn và phát triển vốn của Quỹ, trình Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo phương án điều chỉnh vốn điều lệ ghi tại Quyết định thành lập của Quỹ thông qua Hội đồng nhân dân thành phố để quyết định theo thẩm quyền;

b) Trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt kế hoạch hoạt động 05 năm, kế hoạch hoạt động và kế hoạch tài chính hàng năm của Quỹ theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP;

c) Ban hành hoặc sửa đổi các quy chế hoạt động và nghiệp vụ của Quỹ, bao gồm: Quy chế hoạt động của bộ máy quản lý, điều hành Quỹ; Quy chế quản lý hoạt động đầu tư xây dựng, mua sắm và quản lý tài sản cố định của Quỹ; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế lao động, tiền lương; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; Quy chế huy động vốn; Quy chế quản lý các khoản đầu tư thành lập tổ chức kinh tế, góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế; Quy chế quản lý các khoản đầu tư theo hình thức hợp đồng, thực hiện dự án đầu tư; Quy chế quản lý hoạt động ủy thác và nhận ủy thác; Quy chế cho vay; Quy chế xử lý rủi ro; Quy chế quản lý tài sản bảo đảm tiền vay và các quy chế hoạt động, nghiệp vụ khác theo yêu cầu quản lý của Quỹ;

d) Giám sát, kiểm tra bộ máy điều hành của Quỹ đầu tư phát triển địa phương trong việc chấp hành các chính sách và pháp luật và việc thực hiện các quyết định của Hội đồng quản lý.

đ) Trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP;

e) Trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định về mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP;

g) Quyết định việc đầu tư, cho vay, phương án huy động vốn và phương án xử lý rủi ro đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ theo phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố;

h) Trình Ủy ban nhân dân thành phố xin ý kiến về quy chế xử lý rủi ro theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và quy định của pháp luật có liên quan;

i) Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng thành viên về cơ chế tiền lương, tiền thưởng, thù lao, phụ cấp của người quản lý, người lao động của Quỹ theo quy định của pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước sở hữu 100% vốn và hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

k) Thông qua: báo cáo xếp loại hiệu quả hoạt động của Quỹ, báo cáo tài chính, quyết toán chênh lệch thu chi Quỹ sau khi báo cáo tài chính năm của Quỹ đã được kiểm toán độc lập theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP, mức hoặc tỷ lệ trích lập cụ thể vào các quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ thưởng Ban quản lý điều hành, quỹ khen thưởng, phúc lợi của Quỹ sau khi có ý kiến thẩm định của Ban kiểm soát để trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt;

l) Trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tổ chức bộ máy của Quỹ;

m) Quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ;

n) Ban hành hoặc sửa đổi Quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản lý Quỹ;

o) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo phân công của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 10. Quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý Quỹ

1. Ủy ban nhân dân thành phố quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý:

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;

b) Có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh nghiệm về một trong các lĩnh vực: kinh tế, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán. Riêng tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đối với Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ áp dụng theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 10 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ.

c) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết và có ý thức chấp hành pháp luật;

d) Không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý điều hành doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

đ) Không có người liên quan giữ chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Thành viên Ban Kiểm soát, Thủ quỹ tại Quỹ;

e) Không phải là người có liên quan của người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản lý.

g) Tiêu chuẩn, điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý Quỹ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong những trường hợp sau:

a) Không còn đáp ứng được đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Hội đồng quản lý Quỹ;

b) Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố, bị tòa án kết án bằng bản án;

c) Vi phạm nghiêm trọng các quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ, các quy chế của Quỹ, quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật liên quan đến mức bị kỷ luật;

d) Xin từ chức và được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo quy định của pháp luật;

đ) Có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác;

e) Nghỉ hưu;

g) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố.

4. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật thành viên Hội đồng quản lý Quỹ do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định theo quy định của pháp luật.

5. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày có quyết định miễn nhiệm hoặc cách chức Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý, Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định tuyển chọn, bổ nhiệm người khác thay thế.

Điều 11. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng quản lý Quỹ

1. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Phân công nhiệm vụ cụ thể đối với các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ;

b) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản lý Quỹ theo quy định tại Điều 9 của Điều lệ này;

c) Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý;

d) Tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ; có quyền hủy bỏ các Quyết định của Giám đốc Quỹ trái với Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ, quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan;

đ) Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản lý ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc cho thành viên Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về các nhiệm vụ được ủy quyền;

e) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật, ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố và Quy chế chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Thành viên của Hội đồng quản lý có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Tham dự họp Hội đồng quản lý Quỹ; thảo luận, kiến nghị, biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý;

b) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo phân công hoặc ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản lý;

c) Yêu cầu Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý của Quỹ cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động của Quỹ để phục vụ công tác của mình. Người được yêu cầu phải cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ và chính xác.

3. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý có nghĩa vụ:

a) Tuân thủ pháp luật, Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố, Điều lệ của Quỹ trong việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Quỹ và Ủy ban nhân dân thành phố;

c) Trung thành với lợi ích của Quỹ; không sử dụng thông tin hoạt động của Quỹ hoặc lợi dụng chức vụ và tài sản của Quỹ để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của người khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Quỹ về doanh nghiệp mà mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối và doanh nghiệp mà người có liên quan của mình làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần, phần vốn góp chi phối. Thông báo này được tập hợp và lưu giữ tại Quỹ;

đ) Chấp hành nghị quyết của Hội đồng quản lý;

e) Chịu trách nhiệm cá nhân khi thực hiện các hành vi sau đây:

- Lợi dụng danh nghĩa Quỹ thực hiện hành vi vi phạm pháp luật;
- Tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch khác không nhằm phục vụ lợi ích của Quỹ và gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân khác;
- Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn khi nguy cơ rủi ro tài chính có thể xảy ra đối với Quỹ.

4. Trường hợp thành viên Hội đồng quản lý phát hiện có thành viên Hội đồng có hành vi vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản với Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ; yêu cầu thành viên vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 12. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể, họp thường kỳ tối thiểu 03 tháng một lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản lý Quỹ. Hội đồng quản lý Quỹ có thể họp bất thường để giải quyết các vấn đề cấp bách của Quỹ theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, hoặc theo đề nghị của Giám đốc Quỹ, Trưởng Ban Kiểm soát, sau khi được Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ chấp thuận.

2. Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự. Thành viên Hội đồng quản lý vắng mặt tại cuộc họp phải có thông báo bằng văn bản về lý do vắng mặt. Cuộc họp do Chủ tịch hoặc một thành viên khác được Chủ tịch ủy quyền (trong trường hợp Chủ tịch vắng mặt) làm chủ tọa. Trong trường hợp cấp bách không tổ chức họp, việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ phải được thực hiện bằng văn bản.

3. Tài liệu họp Hội đồng quản lý phải được Quỹ chuẩn bị và gửi tới các thành viên Hội đồng quản lý tối thiểu 3 ngày làm việc trước ngày họp.

4. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số, mỗi thành viên Hội đồng quản lý có một phiếu biểu quyết với quyền biểu quyết ngang nhau. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ có hiệu lực khi có trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản có ý kiến tán thành. Trường hợp số phiếu bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc người chủ trì cuộc họp Hội đồng quản lý. Thành viên Hội đồng quản lý có quyền bảo lưu ý kiến của mình và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

5. Nội dung các vấn đề thảo luận, các ý kiến phát biểu, kết luận và kết quả biểu quyết của các cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ phải được ghi chép đầy đủ trong biên bản cuộc họp và được các thành viên tham dự cuộc họp cùng ký xác nhận. Kết luận của cuộc họp được thể hiện bằng Nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản lý. Các Nghị quyết và quyết định phải được gửi tới tất cả các thành viên của Hội đồng quản lý, Quỹ và các tổ chức, cá nhân có liên quan để triển khai thực hiện.

6. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ có tính bắt buộc thi hành đối với hoạt động của Quỹ và Giám đốc Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện. Giám đốc Quỹ có quyền bảo lưu ý kiến và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định theo thẩm quyền; trong thời gian chưa có quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Quỹ phải có trách nhiệm chấp hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 13. Chế độ phụ cấp, thưởng của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Mọi chi phí hoạt động của Hội đồng quản lý theo quy định được tính vào chi phí quản lý của Quỹ. Mức chi cụ thể theo quy chế chi tiêu nội bộ và các thỏa thuận có liên quan.

2. Các thành viên của Hội đồng quản lý được hưởng chế độ phụ cấp, thưởng theo quy định hiện hành áp dụng cho công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn và quy chế chi tiêu nội bộ.

Điều 14. Thư ký Hội đồng

Thư ký Hội đồng quản lý có trách nhiệm và quyền hạn:

1. Ghi chép biên bản các kỳ họp Hội đồng quản lý.
2. Soạn thảo các nghị quyết, quyết định, thông báo của kỳ họp trình Chủ tịch Hội đồng quản lý ký.
3. Được hưởng phụ cấp và các quyền lợi khác tính vào chi phí hoạt động của Quỹ.

Mục 2**BAN KIỂM SOÁT QUỸ****Điều 15. Ban Kiểm soát Quỹ**

1. Ban Kiểm soát có chức năng giúp Ủy ban nhân dân thành phố và Hội đồng quản lý Quỹ kiểm soát việc tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu và việc quản lý điều hành tại Quỹ.

2. Ban Kiểm soát có tối đa không quá ba (03) thành viên, trong đó có một (01) Trưởng ban phụ trách hoạt động của Ban Kiểm soát, số lượng cụ thể thành viên Ban Kiểm soát và chế độ làm việc do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định theo đề nghị của Hội đồng quản lý căn cứ vào quy mô, tính chất và điều kiện thực tế hoạt động của Quỹ.

3. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là năm (05) năm. Trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban Kiểm soát mới chưa được bổ nhiệm thì Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ hiện tại vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Ban Kiểm soát mới được bổ nhiệm và nhận nhiệm vụ.

Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát Quỹ**1. Nhiệm vụ**

a) Kiểm tra, giám sát việc chấp hành các chính sách, chế độ theo quy định của pháp luật; quy chế hoạt động và nghiệp vụ của Quỹ; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ; Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ và Ủy ban nhân dân thành phố. Trường hợp phát hiện các hành vi vi phạm chính sách, chế độ theo quy định, Ban Kiểm soát Quỹ có trách nhiệm thông báo với Ủy ban nhân dân thành phố;

b) Thẩm định báo cáo hoạt động, báo cáo tài chính, phân phối chênh lệch thu chi và việc trích lập các quỹ, báo cáo tình hình thực hiện tiền lương và tiền thưởng theo quy định của pháp luật;

c) Lập kế hoạch thực hiện; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về công tác giám sát, kiểm tra;

d) Thực hiện nhiệm vụ khác do Hội đồng quản lý Quỹ và Ủy ban nhân dân thành phố giao.

2. Quyền hạn

a) Được yêu cầu cung cấp thông tin, tiếp cận hồ sơ, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động và tài chính của Quỹ;

b) Được tham dự các cuộc họp giao ban, họp Hội đồng quản lý, họp Ban giám đốc, họp chuyên đề có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát. Khi tham dự các cuộc họp, Ban Kiểm soát có quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết;

c) Được sử dụng con dấu của Quỹ cho các văn bản, hồ sơ, tài liệu thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát. Quỹ phối hợp với Ban Kiểm soát xây dựng quy chế sử dụng con dấu bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật.

3. Nghĩa vụ

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ này và các Quyết định, Nghị quyết của Ủy ban nhân dân thành phố và Hội đồng quản lý Quỹ trong việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của Quỹ và Ủy ban nhân dân thành phố;

c) Trung thành với lợi ích của Quỹ; quản lý và bảo mật thông tin theo quy định của Quỹ. Không lợi dụng quyền hạn được giao để gây cản trở cho hoạt động của Quỹ; không lợi dụng thông tin, chức vụ, tài sản của Quỹ để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thường xuyên nắm bắt tình hình, thu thập thông tin, báo cáo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Ủy ban nhân dân thành phố về hoạt động của Quỹ theo chế độ quy định;

đ) Các nghĩa vụ khác theo các quy định của Ủy ban nhân dân thành phố và Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 17. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban Kiểm soát do Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ. Các thành viên khác của Ban Kiểm soát do Hội đồng quản lý bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo đề nghị của Trưởng Ban Kiểm soát.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát

a) Là công dân Việt nam, thường trú tại Việt Nam, có đủ năng lực hành vi dân sự;

b) Không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2, Điều 17 Luật Doanh nghiệp 2020;

c) Không đồng thời giữ chức vụ quản lý, điều hành, nhân viên của Quỹ; không là người có liên quan của thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Thủ quỹ hoặc là người có liên quan của người có thẩm quyền bổ nhiệm các chức danh này;

d) Có trình độ đại học trở lên và có kinh nghiệm về một trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng;

đ) Không được là người quản lý Quỹ và người quản lý tại doanh nghiệp khác; không được là Kiểm soát viên của doanh nghiệp không phải là doanh nghiệp nhà nước; không phải là người lao động của Quỹ;

e) Đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố và phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện của Trưởng Ban Kiểm soát

a) Đáp ứng được tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát quy định tại Khoản 2 Điều này;

b) Có trình độ đại học trở lên trong các ngành tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng; đồng thời phải có tối thiểu ba (03) năm kinh nghiệm về quản lý hoặc điều hành một trong các lĩnh vực này;

c) Đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố và phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong những trường hợp sau:

a) Không còn đáp ứng được đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Ban Kiểm soát hoặc tiêu chuẩn, điều kiện của Trưởng Ban Kiểm soát;

b) Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố, bị tòa án kết án bằng bản án;

c) Lợi dụng quyền hạn để gây cản trở cho hoạt động của Quỹ, không thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được giao, vi phạm nghiêm trọng các quy chế của Quỹ, quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật liên quan đến mức bị kỷ luật;

d) Xin từ chức và được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo quy định của pháp luật;

đ) Khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác;

e) Nghỉ hưu;

g) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm khác theo yêu cầu quản lý của cấp có thẩm quyền.

5. Chế độ hoạt động của Ban Kiểm soát; trách nhiệm, quyền hạn; việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu; mối quan hệ giữa Ban Kiểm soát Quỹ với các tổ chức, cá nhân có liên quan và các nội dung khác thực hiện theo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành.

Điều 18. Chế độ phụ cấp, thưởng của Ban Kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát được hưởng phụ cấp và các quyền lợi khác theo quy chế chi tiêu nội bộ và các qui định hiện hành. Chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ.

Mục 3

GIÁM ĐỐC QUỸ

Điều 19. Giám đốc Quỹ

1. Giám đốc là người đứng đầu hoặc là người đại diện theo pháp luật của Quỹ, trực tiếp điều hành hoạt động hàng ngày của Quỹ theo chiến lược, mục tiêu, kế hoạch của Quỹ, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Quỹ và các Nghị quyết, quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố và Hội đồng quản lý Quỹ; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố, Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ này.

2. Nhiệm kỳ của Giám đốc Quỹ năm (05) năm. Trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Giám đốc Quỹ mới chưa được bổ nhiệm thì Giám đốc Quỹ của nhiệm kỳ hiện tại vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Giám đốc mới được bổ nhiệm và nhận nhiệm vụ, nhưng tối đa không quá 60 ngày.

Điều 20. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Quỹ

1. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

2. Đề xuất và trình Hội đồng quản lý Quỹ đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản lý Quỹ theo quy định tại Điều 9 Điều lệ này.

3. Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn khác của Quỹ do Ủy ban nhân dân thành phố, Hội đồng quản lý Quỹ ủy nhiệm nhưng không được trái với quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và Điều lệ này.

4. Ban hành theo thẩm quyền các quy chế, quy trình nội bộ để tổ chức điều hành hoạt động của Quỹ theo phân cấp của Hội đồng quản lý Quỹ.

5. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến điều hành công việc hàng ngày của Quỹ.

6. Thực hiện các quyền, trách nhiệm quy định tại Điều lệ này, bao gồm:

a) Đại diện pháp nhân của Quỹ trước pháp luật trong việc tố tụng, tranh chấp, giải thể và những vấn đề thuộc phạm vi điều hành tác nghiệp của Quỹ.

b) Xây dựng chiến lược phát triển, phương hướng hoạt động, kế hoạch hoạt động 05 năm và hàng năm; xây dựng chiến lược, kế hoạch huy động vốn, kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính trình Hội đồng quản lý thông qua để trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

c) Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch đã được duyệt và các hoạt động khác của Quỹ phù hợp với quy định tại Điều lệ này và các quy định khác có liên quan. Xây dựng các tiêu chuẩn định mức chi tiêu trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua để làm căn cứ thực hiện.

d) Lập phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận; trích lập và sử dụng các quỹ trình Hội đồng quản lý Quỹ quyết định theo thẩm quyền hoặc để trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

đ) Đề nghị Hội đồng quản lý trình Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Phó Giám đốc của Quỹ.

e) Đề nghị Hội đồng quản lý bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với kế toán trưởng của Quỹ.

f) Quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các chức danh của bộ máy giúp việc (trưởng hoặc phó phòng, ban nghiệp vụ) và người lao động; nhưng không được bổ nhiệm người có liên quan giữ chức vụ quản lý trong các phòng, ban nghiệp vụ, làm thủ quỹ, thủ kho hoặc người phụ trách tài chính của Quỹ.

Điều 21. Trách nhiệm của Giám đốc Quỹ

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ Quỹ, quyết định của Hội đồng quản lý và Ủy ban nhân dân thành phố trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Quỹ và chủ sở hữu Quỹ.

c) Trung thành với lợi ích của Quỹ; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Quỹ để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Ủy ban nhân dân thành phố về doanh nghiệp mà mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối và doanh nghiệp mà người có liên quan của mình làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần, phần vốn góp chi phối. Thông báo phải được lưu giữ tại Quỹ.

Điều 22. Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc Quỹ

1. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp.

2. Có trình độ đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính hoặc ngân hàng; đồng thời, phải có tối thiểu 05 năm kinh nghiệm về quản lý và điều hành một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, đầu tư, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán.

3. Không phải người có liên quan của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, thành viên Hội đồng quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, thủ quỹ và không phải người có liên quan của người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm Giám đốc Quỹ.

4. Chưa từng bị cách chức Chủ tịch Hội đồng quản lý, thành viên Hội đồng quản lý, Giám đốc hoặc Phó Giám đốc tại Quỹ hoặc ở doanh nghiệp nhà nước khác.

5. Không được kiêm nhiệm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp khác.

6. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật.

7. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 23. Quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Giám đốc Quỹ

1. Ủy ban nhân dân thành phố quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo đề nghị của Hội đồng quản lý.

2. Giám đốc Quỹ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trước thời hạn trong các trường hợp sau:

a) Không còn đáp ứng được đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện của Giám đốc Quỹ theo quy định tại Điều 22 Điều lệ này;

b) Không hoàn thành các nhiệm vụ do Hội đồng quản lý Quỹ giao mà không giải trình được nguyên nhân chính đáng;

c) Vi phạm nghiêm trọng hoặc có hệ thống các Nghị quyết, Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố, Hội đồng quản lý Quỹ, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đến mức bị kỷ luật;

d) Không trung thực trong thực thi các nhiệm vụ, quyền hạn được giao hoặc sử dụng vốn, tài sản của Quỹ, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để tư lợi hoặc làm lợi cho người khác;

đ) Báo cáo không trung thực tình hình hoạt động và tài chính của Quỹ;

e) Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố, bị tòa án kết án bằng bản án;

g) Xin từ chức và được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo đúng trình tự quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ;

h) Khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác;

i) Nghỉ hưu;

k) Có đơn xin nghỉ việc;

l) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm khác theo yêu cầu quản lý của Hội đồng quản lý Quỹ và Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày có quyết định miễn nhiệm, cách chức, Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định tuyển chọn, bổ nhiệm người khác thay thế theo đề nghị của Hội đồng quản lý.

Mục 4

PHÓ GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

Điều 24. Phó Giám đốc và Kế toán trưởng

1. Phó Giám đốc:

a) Phó Giám đốc do Giám đốc Quỹ đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, trình Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm.

b) Quỹ có không quá 03 Phó Giám đốc, có nhiệm vụ giúp Giám đốc trong việc điều hành hoạt động Quỹ theo phân công và ủy quyền; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ phân công và ủy quyền.

c) Tiêu chuẩn, điều kiện: là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đủ năng lực hành vi dân sự; không đồng thời giữ chức vụ quản lý, điều hành, nhân viên của Quỹ; không là người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản lý, Giám đốc, Kế toán trưởng, Thủ quỹ hoặc là người có liên quan của người có thẩm quyền bổ nhiệm các chức danh này; có trình độ đại học trở lên và có tối thiểu 03 năm kinh nghiệm về một trong các lĩnh vực: kinh tế, tài chính, ngân hàng, đầu tư, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; tiêu chuẩn, điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố trong từng thời điểm.

2. Kế toán trưởng:

a) Kế toán trưởng do Giám đốc Quỹ đề nghị, trình Hội đồng quản lý bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm.

b) Kế toán trưởng Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán của Quỹ, giúp Hội đồng quản lý và Giám đốc Quỹ giám sát tài chính tại Quỹ theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền, thực hiện các chức năng và nhiệm vụ khác được quy định theo Luật Kế toán và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế và các văn bản hướng dẫn (nếu có).

c) Kế toán trưởng Quỹ phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Luật Kế toán và pháp luật có liên quan.

3. Phó Giám đốc Quỹ, Kế toán trưởng được bổ nhiệm với thời hạn là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Phó Giám đốc Quỹ, Kế toán trưởng thực hiện theo quy định của pháp luật.

Mục 5

BỘ MÁY GIÚP VIỆC

Điều 25. Bộ máy giúp việc

1. Bộ máy giúp việc của Quỹ gồm các Phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ của Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể theo đề nghị của Giám đốc Quỹ, có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản lý và Giám đốc Quỹ giao.

2. Việc quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật lãnh đạo các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ do Giám đốc Quỹ quyết định theo quy định tại khoản 6 Điều 20 Điều lệ này trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý và Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Lãnh đạo các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ và người lao động chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ và trước pháp luật về nhiệm vụ được giao.

Điều 26. Tuyển dụng lao động, quy hoạch, bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo khác của Quỹ

1. Việc tuyển dụng lao động, quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ, lãnh đạo của Quỹ được thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Căn cứ vào nhu cầu thực tế, Giám đốc Quỹ xây dựng kế hoạch nhân sự, chế độ tiền lương, thưởng, tiêu chuẩn, chế độ lao động của Quỹ trình Hội đồng quản lý phê duyệt và tổ chức thực hiện; quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các chức danh của bộ máy giúp việc, người lao động của Quỹ.

Chương III

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA QUỸ

Điều 27. Chức năng, nhiệm vụ của Quỹ

1. Xây dựng danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ

a) Căn cứ vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm, tình hình thực tế của địa phương và quy mô hoạt động của Quỹ, hàng năm hoặc trong từng thời kỳ, Quỹ đề xuất danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay nhằm góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương bao gồm: giáo dục, y tế, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp, môi trường, năng lượng, nhà ở, văn hóa, du lịch, giao thông, các lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa và các lĩnh vực ưu tiên phát triển khác theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

b) Trên cơ sở danh mục đề xuất của Quỹ báo cáo Hội đồng quản lý trình Ủy ban nhân dân thành phố rà soát, báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố thông qua danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ.

c) Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố thông qua danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay, Quỹ phối hợp với Sở Tài chính và các sở ban ngành có liên quan trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ.

2. Hoạt động huy động vốn

Quỹ được huy động các nguồn vốn trung và dài hạn từ các tổ chức trong và ngoài nước theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP. Bao gồm:

a) Vay các tổ chức trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Việc vay vốn nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về vay nợ nước ngoài.

b) Phát hành trái phiếu Quỹ Đầu tư phát triển thành phố theo quy định của pháp luật.

c) Các hình thức huy động vốn trung và dài hạn khác theo Quy chế của Hội đồng quản lý Quỹ cho từng thời kỳ trên cơ sở nhu cầu thực tế và quy định pháp luật hiện hành.

d) Quỹ được nhận các khoản đặt cọc và ký cược theo quy định của pháp luật có liên quan.

đ) Tổng mức vốn huy động tối đa bằng 06 lần vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính năm hoặc báo cáo tài chính bán niên tại thời điểm gần nhất.

e) Giám đốc Quỹ xây dựng kế hoạch huy động vốn trình Hội đồng quản lý thông qua để trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

3. Hoạt động đầu tư

a) Quỹ được đầu tư thành lập tổ chức kinh tế; đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế, đầu tư dự án. Hoạt động đầu tư phải thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP; tại các Quyết định phê duyệt dự án đầu tư do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành.

- Đối tượng, điều kiện, phương thức, nguyên tắc và hình thức đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 17, Điều 18, Điều 19 và Điều 20 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

- Giới hạn đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

- Mức vốn đầu tư vào một doanh nghiệp hoặc mức vốn đầu tư vào một dự án có giá trị trên 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm quyết định đầu tư do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

- Mức vốn đầu tư vào một doanh nghiệp hoặc mức vốn đầu tư vào một dự án có giá trị từ trên 5% đến 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm quyết định đầu tư do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

- Mức vốn đầu tư vào một doanh nghiệp hoặc mức vốn đầu tư vào một dự án có giá trị đến 5% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm quyết định đầu tư do Giám đốc Quỹ quyết định.

b) Cấp nào quyết định đầu tư thì có thẩm quyền quyết định việc chuyển nhượng dự án đầu tư, tạm ngừng, ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư; quyết định chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế.

c) Quỹ không được đầu tư trong các trường hợp sau:

- Góp vốn, mua cổ phần, mua toàn bộ doanh nghiệp, thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh với doanh nghiệp mà người quản lý, người đại diện tại doanh nghiệp đó là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Quỹ.

- Góp vốn cùng công ty con để đầu tư thành lập tổ chức kinh tế hoặc đầu tư theo hình thức hợp đồng.

4. Hoạt động cho vay

Quỹ được cho vay, cho vay hợp vốn đối với các dự án thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và các hoạt động cho vay do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành.

a) Đối tượng, điều kiện và thời hạn cho vay thực hiện theo quy định tại Điều 23 và Điều 24 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

b) Lãi suất cho vay đối với từng dự án cụ thể do Quỹ quyết định, nhưng không được thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

c) Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.

d) Đối với dự án sử dụng nguồn vốn của nhà tài trợ quốc tế có quy định về lãi suất cho vay khác với quy định tại Điều lệ này thì thực hiện theo thỏa thuận đã ký kết với nhà tài trợ.

đ) Giới hạn cho vay:

- Giới hạn cho vay đối với một dự án tại thời điểm giải ngân không vượt quá 20% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm giải ngân vốn.

- Tổng mức dư nợ cho vay đối với một khách hàng của Quỹ không được vượt quá 25% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm giải ngân vốn.

- Đối với một dự án, trường hợp Quỹ vừa cho vay vừa đầu tư thì tổng giới hạn đầu tư và cho vay tại thời điểm giải ngân không vượt quá 30% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm giải ngân vốn.

- Đối với dự án sử dụng nguồn vốn của các nhà tài trợ quốc tế có quy định về giới hạn cho vay khác với quy định của Điều lệ này thì thực hiện theo thỏa thuận đã ký kết với nhà tài trợ.

e) Mức vốn cho vay đối với một dự án trên 15% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm quyết định cho vay do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

g) Mức vốn cho vay đối với một dự án từ trên 5% đến 15% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm quyết định cho vay do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

h) Mức vốn cho vay đối với một dự án đến 5% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm quyết định cho vay do Giám đốc Quỹ quyết định.

i) Bảo đảm tiền vay: tùy thuộc vào từng dự án cụ thể, Quỹ xem xét, lựa chọn một, một số hoặc tất cả các biện pháp bảo đảm tiền vay sau đây:

- Cầm cố, thế chấp tài sản của chủ đầu tư;
- Cầm cố, thế chấp bằng tài sản hình thành trong tương lai;
- Bảo lãnh của bên thứ ba;

- Các biện pháp bảo đảm tiền vay khác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành; trường hợp áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay bằng “tín chấp” do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

Quỹ được xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật và hợp đồng tín dụng ký giữa Quỹ và chủ đầu tư vay vốn.

k) Hợp vốn cho vay: thực hiện theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và Điều lệ này.

l) Việc phân loại nợ, trích lập quỹ dự phòng rủi ro và xử lý rủi ro đối với hoạt động cho vay thực hiện theo quy định của pháp luật đối với ngân hàng thương mại.

m) Việc xử lý rủi ro, cơ cấu lại thời hạn trả nợ và bán nợ thực hiện theo quy định tại Điều 30, Điều 31 của Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và Quy chế Xử lý rủi ro của Quỹ.

5. Hoạt động nhận Ủy thác và Ủy thác

a) Quỹ được nhận ủy thác theo quy định Điều 32 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP. Cụ thể:

- Quỹ được nhận ủy thác quản lý nguồn vốn đầu tư; cho vay và thu hồi nợ; cấp phát vốn đầu tư cho các công trình, dự án từ ngân sách nhà nước, từ các ngân hàng chính sách, từ các doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; nhận ủy thác quản lý nguồn vốn, hoạt động của các quỹ tài chính nhà nước tại địa phương.

- Việc nhận ủy thác của Quỹ thực hiện theo quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố hoặc hợp đồng nhận ủy thác ký kết giữa Quỹ với tổ chức, cá nhân ủy thác. Quyết định/hợp đồng nhận ủy thác bao gồm các nội dung cơ bản sau đây:

+ Tên, địa chỉ, tư cách pháp nhân, người đại diện pháp luật của bên ủy thác (nếu có) và bên nhận ủy thác (Quỹ Đầu tư phát triển thành phố).

+ Mục đích ủy thác; nội dung ủy thác.

+ Số vốn ủy thác; thời hạn ủy thác; chi phí ủy thác.

+ Đối tượng thụ hưởng; trách nhiệm thẩm định và giám sát hoạt động ủy thác; trách nhiệm xử lý rủi ro của bên ủy thác.

+ Quyền và nghĩa vụ của các bên; xử lý các trường hợp chấm dứt văn bản ủy thác trước thời hạn; điều khoản về xử lý vi phạm (nếu có).

+ Các nội dung khác do các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật.

- Quỹ được trả chi phí ủy thác.

- Quỹ có trách nhiệm hạch toán tách bạch vốn nhận ủy thác và tài sản hình thành từ vốn nhận ủy thác (nếu có) với nguồn vốn hoạt động và tài sản của Quỹ. Hoạt động nhận ủy thác của Quỹ phải đảm bảo không ảnh hưởng đến các hoạt động khác theo chức năng, nhiệm vụ của Quỹ.

b) Quỹ được ủy thác theo quy định Điều 33 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP, cụ thể:

- Quỹ được ủy thác hoạt động nghiệp vụ cho các tổ chức tín dụng và các ngân hàng chính sách thực hiện. Việc ủy thác phải được thực hiện bằng văn bản ủy thác giữa Quỹ với tổ chức nhận ủy thác.

- Các tổ chức nhận ủy thác được trả chi phí dịch vụ ủy thác theo mức ghi tại văn bản ủy thác.

6. Thực hiện nghiệp vụ phát hành trái phiếu chính quyền địa phương:



Quỹ thực hiện nghiệp vụ phát hành trái phiếu chính quyền địa phương theo Ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố được quy định tại Điều 37 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và Quy chế huy động vốn của Quỹ.

Điều 28. Trách nhiệm và quyền hạn của Quỹ

1. Trách nhiệm của Quỹ

Ngoài trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP, Quỹ có các trách nhiệm sau:

- a) Thực hiện các hoạt động theo quy định tại Điều 27 Điều lệ này;
- b) Quản lý sử dụng vốn đúng mục đích, đảm bảo an toàn và phát triển vốn, tự bù đắp chi phí và tự chịu rủi ro;
- c) Thực hiện đúng hạn, đầy đủ các nghĩa vụ trả nợ của Quỹ đối với các khoản vốn mà Quỹ đã huy động từ các tổ chức theo quy định của pháp luật;
- d) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.
- đ) Xây dựng kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính hàng năm để Hội đồng quản lý Quỹ trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt

2. Quyền hạn của Quỹ

Ngoài quyền hạn quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP, Quỹ có các quyền hạn sau:

- a) Được pháp luật bảo hộ với tư cách là một pháp nhân trước mọi hành vi trái pháp luật gây tổn hại đến tài sản, quyền lợi và uy tín của Quỹ;
- b) Được tổ chức hoạt động phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và Điều lệ này;
- c) Được quản lý, sử dụng vốn và tài sản được giao, vốn huy động để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và Điều lệ này;
- d) Được lựa chọn các dự án có hiệu quả thuộc đối tượng quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP để quyết định cho vay, đầu tư;
- đ) Được yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu, hồ sơ về tình hình tài chính, sản xuất kinh doanh để xem xét quyết định cho vay, đầu tư; trực tiếp thẩm định phương án tài chính, hiệu quả đầu tư của các dự án; định giá tài sản đảm bảo tiền vay; phân tích, đánh giá và giám sát quá trình triển khai thực hiện dự án;
- e) Được thuê các tổ chức, chuyên gia tư vấn để xem xét, thẩm định một phần hoặc toàn bộ các dự án Quỹ cho vay, đầu tư; định giá tài sản đảm bảo tiền vay;
- g) Được kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất tình hình sản xuất, kinh doanh của chủ đầu tư vay vốn tại Quỹ; tình hình tài sản bảo đảm tiền vay; tình hình quản lý, sử dụng nguồn vốn Quỹ cho vay đầu tư cũng như các vấn đề liên quan đến việc thực hiện dự án đầu tư;

h) Được đình chỉ hoặc báo cáo cấp thẩm quyền quyết định đình chỉ việc cho vay, đầu tư; thu hồi các khoản cho vay, đầu tư trước thời hạn nếu có đầy đủ chứng cứ chứng minh đối tượng sử dụng vốn không đúng mục đích, vi phạm hợp đồng hoặc vi phạm pháp luật;

i) Có quyền từ chối tài trợ, hợp tác, cho vay, đầu tư vốn nếu xét thấy trái pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ;

k) Khi đến hạn trả nợ, nếu chủ đầu tư không trả được nợ thì Quỹ được quyền xử lý tài sản bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật;

l) Được cho thuê, thế chấp, cầm cố, thanh lý, nhượng bán tài sản cố định thuộc quyền sở hữu của Quỹ theo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn và tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành;

m) Được tuyển dụng, thuê, bố trí, sử dụng, quy hoạch, đào tạo và bồi dưỡng Ban điều hành và người lao động; lựa chọn các hình thức trả lương, thưởng trên cơ sở kết quả hoạt động của Quỹ theo quy định áp dụng đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn, hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, chế độ tài chính, kế toán theo Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và có các quyền khác của người sử dụng lao động theo quy định của pháp luật;

n) Trực tiếp quan hệ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để đàm phán, ký kết các hợp đồng vay vốn, nhận tài trợ, nhận ủy thác trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi theo đúng pháp luật Việt Nam và phạm vi hoạt động của Quỹ theo Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

Chương IV

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN, BÁO CÁO VÀ GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Điều 29. Chế độ tài chính, kế toán và kiểm toán

1. Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2. Báo cáo tài chính năm của Quỹ phải được kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Cơ chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng, phụ cấp của người quản lý, người lao động Quỹ thực hiện theo quy định áp dụng đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn và hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Việc xếp hạng Quỹ thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

4. Kết quả hoạt động của Quỹ là khoản chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập khác và tổng chi phí hợp lý, hợp lệ. Sau khi nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về thuế, phần chênh lệch này được phân phối như sau:

- a) Bù đắp khoản chênh lệch thu chi âm đến thời điểm quyết toán.
- b) Trích 30% vào quỹ đầu tư phát triển.
- c) Trích 10% vào quỹ dự phòng tài chính; khi số dư quỹ bằng 25% vốn điều lệ của Quỹ thì không trích nữa.
- d) Trích tối đa không quá 03 tháng lương thực hiện của người lao động vào quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi; trích tối đa không quá 1,5 tháng lương thực hiện của người quản lý vào quỹ thưởng người quản lý.
- đ) Phần chênh lệch còn lại được tiếp tục bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển để bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ.

5. Hàng năm, Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt báo cáo quyết toán chênh lệch thu chi của Quỹ. Báo cáo quyết toán chênh lệch thu chi của Quỹ phải kèm theo thuyết minh đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của Quỹ theo quy định tại Điều 65 Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

6. Quỹ thực hiện chế độ tài chính, kế toán, chế độ báo cáo theo quy định của Nghị định số 147/2020/NĐ-CP, hướng dẫn của Bộ Tài chính và Điều lệ này.

Điều 30. Vốn chủ sở hữu

1. Vốn chủ sở hữu của Quỹ bao gồm:

- a) Vốn điều lệ do chủ sở hữu cấp.
- b) Quỹ đầu tư phát triển.
- c) Các nguồn vốn khác của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

2. Thay đổi mức vốn điều lệ của Quỹ:

a) Trường hợp thay đổi mức vốn điều lệ ghi tại Quyết định thành lập, Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định, đảm bảo mức vốn tối thiểu theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

b) Trường hợp cấp bổ sung vốn điều lệ từ quỹ đầu tư phát triển, Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

3. Phương thức xác định mức vốn điều lệ điều chỉnh của Quỹ áp dụng theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về phương thức xác định mức vốn điều lệ điều chỉnh của Quỹ phù hợp với tính chất hoạt động của Quỹ.

Điều 31. Huy động vốn; phát hành trái phiếu Quỹ; vốn nhận ủy thác

1. Tổng mức vốn huy động của Quỹ tối đa bằng 06 lần vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính năm hoặc báo cáo tài chính bán niên tại thời điểm gần nhất. Các hình thức huy động vốn thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 36 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

2. Quỹ phát hành trái phiếu theo hình thức riêng lẻ tại thị trường trong nước theo nguyên tắc tự vay, tự trả, tự chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng vốn và đảm bảo khả năng trả nợ. Hình thức thực hiện theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và các hướng dẫn theo quy định pháp luật.

3. Vốn nhận ủy thác theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP không thuộc vốn hoạt động của Quỹ và được hạch toán, quản lý tách bạch với vốn hoạt động của Quỹ.

Điều 32. Bảo toàn an toàn vốn của Quỹ

1. Quỹ có trách nhiệm bảo toàn và sử dụng vốn đúng mục đích, đảm bảo an toàn vốn và tài sản theo quy định tại Điều lệ này; báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố về biến động vốn chủ sở hữu của Quỹ.

2. Việc bảo toàn vốn được thực hiện bằng các biện pháp sau đây:

a) Quản lý, sử dụng vốn, tài sản, phân phối chênh lệch thu chi, chế độ quản lý tài chính, chế độ kế toán, kiểm toán theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP, hướng dẫn của Bộ Tài chính và Điều lệ này.

b) Trích lập dự phòng rủi ro đối với hoạt động cho vay theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và trích lập dự phòng khác theo quy định đối với doanh nghiệp. Chi phí trích lập dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động của Quỹ.

c) Mua bảo hiểm tài sản theo quy định của pháp luật.

d) Các biện pháp khác về bảo toàn vốn theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Điều 33. Kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính hàng năm

1. Căn cứ vào kế hoạch hoạt động 05 năm được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, Quỹ xây dựng kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính hàng năm tham mưu Hội đồng quản lý Quỹ trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt. Kế hoạch tài chính hàng năm bao gồm: kế hoạch thu nhập, chi phí, kế hoạch mua sắm tài sản cố định.

2. Quy trình phê duyệt và ban hành kế hoạch hàng năm như sau:

a) Trước ngày 31 tháng 7 hàng năm, Hội đồng quản lý Quỹ báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố về kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính năm tiếp theo.

b) Trước ngày 30 tháng 4 năm kế hoạch, Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính năm để Quỹ triển khai, thực hiện.

Điều 34. Chế độ báo cáo của Quỹ

1. Quỹ lập và gửi báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động, công bố thông tin theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo này.

Điều 35. Giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ

1. Ủy ban nhân dân thành phố giám sát và đánh giá toàn diện hiệu quả hoạt động của Quỹ.

2. Hàng năm, Quỹ đánh giá hiệu quả hoạt động theo các chỉ tiêu bao gồm:

a) Chỉ tiêu 1: Doanh thu và thu nhập khác.

b) Chỉ tiêu 2: Chênh lệch thu - chi và tỷ suất chênh lệch thu - chi trên vốn chủ sở hữu.

c) Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ cho vay (bao gồm trực tiếp cho vay và hợp vốn cho vay) và tỷ lệ các khoản nợ phải thu khó đòi trên tổng số vốn đầu tư.

d) Chỉ tiêu 4: Chấp hành pháp luật về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn, nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, quy định về chế độ báo cáo tài chính và báo cáo để thực hiện giám sát tài chính.

3. Các chỉ tiêu quy định tại khoản 2 Điều này được xác định và tính toán trên cơ sở báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán và các báo cáo định kỳ theo quy định của pháp luật. Khi tính toán các chỉ tiêu quy định tại khoản 2 Điều này được xem xét, loại trừ các yếu tố tác động:

a) Do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, chiến tranh và các nguyên nhân bất khả kháng khác.

b) Do Nhà nước điều chỉnh chính sách hoặc biến động của thị trường làm ảnh hưởng lớn đến doanh thu và tình hình hoạt động của Quỹ.

c) Do Quỹ thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

d) Nhà nước khoan nợ, giãn nợ, xóa nợ cho các đối tượng vay; điều chỉnh lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ.

4. Hội đồng quản lý đánh giá hiệu quả hoạt động của người quản lý của Quỹ theo các tiêu chí sau:

a) Kết quả việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ được giao.

- b) Kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ.
- c) Việc chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; việc thực hiện Điều lệ này và các quy chế hoạt động Quỹ.

Chương V

MỐI QUAN HỆ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN

Điều 36. Hoạt động của các tổ chức chính trị, chính trị-xã hội

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam tại Quỹ hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam.
2. Tổ chức công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác tại Quỹ hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước và quy định của các tổ chức đó.

Điều 37. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân thành phố

1. Thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều 49 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.
2. Thực hiện các quyền, trách nhiệm quy định tại Điều lệ này, bao gồm:
 - a) Chỉ đạo, giám sát Hội đồng quản lý và Quỹ thực hiện cơ chế tài chính, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động theo quy định.
 - b) Phê duyệt việc bổ sung vốn điều lệ của Quỹ theo quy định.
 - c) Phê duyệt báo cáo xếp loại kết quả hoạt động của Quỹ theo quy định.
 - d) Tổ chức công tác thanh tra, kiểm tra tình hình hoạt động và tài chính của Quỹ.
 - e) Các trách nhiệm khác quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và pháp luật hiện hành.

Điều 39. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành xây dựng, trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành cơ chế chính sách về tổ chức hoạt động của Quỹ; phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh thành phố Cần Thơ thực hiện quản lý hoạt động cho vay của Quỹ theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.
2. Kiểm tra tình hình thực hiện quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và Điều lệ này của Quỹ để đánh giá, hoàn thiện cơ chế chính sách và tổ chức bộ máy.

Điều 40. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh thành phố Cần Thơ

1. Phối hợp với Sở Tài chính để thực hiện quản lý hoạt động cho vay của Quỹ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.
2. Phối hợp với Sở Tài chính xây dựng chính sách, theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện cho vay của Quỹ.

Điều 41. Trách nhiệm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng, xếp hạng và xếp lương đối với Quỹ.
2. Hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng, xếp hạng và xếp lương đối với Quỹ phù hợp với hoạt động của Quỹ theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP, hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Điều lệ này.

Điều 42. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Phối hợp theo dõi, giám sát công tác lập kế hoạch hoạt động hàng năm, chiến lược phát triển trung và dài hạn của Quỹ. Công tác quản lý đầu tư đối với các dự án đầu tư, dự án ủy thác của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư.
2. Cung cấp thông tin danh mục dự án được chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án để Giám đốc Quỹ xúc tiến, tìm kiếm cơ hội, lựa chọn dự án cho vay, đầu tư theo quy định.

Điều 43. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai; hướng dẫn các hồ sơ, thủ tục để chủ đầu tư thực hiện các dự án đầu tư theo đúng quy định.
2. Hỗ trợ đăng ký giao dịch đảm bảo đối với quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất mà Quỹ nhận thế chấp của tổ chức, cá nhân vay vốn.
3. Hỗ trợ Quỹ trong các vụ việc tranh chấp, khiếu kiện liên quan đến đất đai...

Chương VI

XỬ LÝ TRANH CHẤP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ

Điều 44. Xử lý tranh chấp

Mọi tranh chấp giữa Quỹ với pháp nhân và thể nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động của Quỹ được xử lý theo pháp luật hiện hành.

Điều 45. Tổ chức lại, giải thể Quỹ

Việc sắp xếp, cơ cấu lại tổ chức và giải thể Quỹ do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định sau khi được Hội đồng nhân dân thành phố thông qua.

Điều 46. Các trường hợp giải thể Quỹ

Các trường hợp giải thể Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 43 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

Điều 47. Hội đồng giải thể, quy trình, trách nhiệm của Hội đồng giải thể và trách nhiệm của Quỹ sau khi có quyết định giải thể

1. Hội đồng giải thể Quỹ, quy trình giải thể và trách nhiệm của Hội đồng giải thể thực hiện theo quy định tại Điều 44, Điều 45 và Điều 47 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

2. Trách nhiệm của Quỹ sau khi có quyết định giải thể thực hiện theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

**Chương VII
TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 48. Hiệu lực thi hành**

Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2477/QĐ-UBND ngày 26/8/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

Điều 49. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Trong quá trình thực hiện, Quỹ Đầu tư phát triển thành phố có trách nhiệm tổng hợp kết quả hoạt động, báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ này cho phù hợp./.